

Bài 3. QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được nội dung cơ bản của quy luật giá trị và tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

– Nêu một số ví dụ về sự vận động quy luật giá trị khi vận dụng trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ở nước ta.

2. Về kĩ năng

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

-
- (1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, Tập 23, tr. 70.
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 97.

3. Về thái độ

– Tôn trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ở nước ta.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

– *Nội dung của quy luật giá trị :*

+ Nội dung khái quát của quy luật giá trị : Sản xuất và lưu thông hàng hoá phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó.

+ Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và trong lưu thông.

– *Tác động của quy luật giá trị :*

+ Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường.

+ Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.

+ Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hoá.

– *Vận dụng quy luật giá trị :*

Quy luật giá trị được vận dụng qua 2 đối tượng :

+ Nhà nước.

+ Công dân (xem SGK và phần gợi ý tiến trình thực hiện bài giảng).

b) Một số nội dung mới và khó

– Mặc dù trong Bài 2 đã đề cập đến vấn đề tại sao lượng giá trị xã hội của hàng hoá lại do thời gian lao động xã hội cần thiết quyết định, nhưng đối với GV thì đòi hỏi cần hiểu sâu hơn vì nó liên quan đến nội dung quy luật giá trị trong bài này. Bằng việc nắm và phân biệt các cặp khái niệm : thời gian lao động *cá biệt* với thời gian lao động *xã hội* cần thiết ; giá trị *cá biệt* và giá trị *xã hội* của hàng hoá. Từ ngữ *cá biệt* gắn với thời gian lao động hao phí để sản xuất hàng hoá của từng người, từng doanh nghiệp. Còn từ ngữ *xã hội* gắn với thời gian lao động hao phí để sản xuất hàng hoá trong điều kiện *trung bình*. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ trên thị trường, xã hội không lấy giá trị cá biệt làm căn cứ để trao đổi, mua bán, mà lấy giá trị xã hội của hàng hoá làm căn cứ.

– Trong kết luận của SGK ở Bài 2 có đoạn viết : Thông thường, thời gian lao động xã hội cần thiết gắn sát với thời gian lao động cá biệt của người sản xuất cung ứng đại bộ phận loại hàng hoá đó trên thị trường. Kết luận này có liên quan đến việc xác định thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hoá mà GV cần hiểu sâu hơn để có thể giải đáp nếu HS chưa hiểu. Trên thị trường, nhu cầu của hàng hoá nào đó do nhiều nhóm người sản xuất, mỗi nhóm có số lượng hàng hoá và có thời gian lao động cá biệt khác nhau, nên không thể xác định thời gian lao động xã hội cần thiết của 1 hàng hoá theo phương pháp bình quân cộng, mà phải tính theo phương pháp bình quân gia quyền, nghĩa là phải tính đến số lượng hàng hoá của mỗi nhóm người sản xuất cung cấp cho thị trường (xem ví dụ Bảng 1 trong mục Về phương tiện dạy học).

– Khi phân tích các tác động của quy luật giá trị, GV cần chú ý phân tích cả mặt tích cực và mặt hạn chế và hướng cho HS thấy mặt tích cực là cơ bản và mang tính trội.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

– Trong khi giảng, GV có thể sử dụng các phương pháp sau đây :

+ Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề.

+ Kết hợp phương pháp diễn giảng với phương pháp đối thoại.

+ Phương pháp hoạt động nhóm.

– Trước khi giảng bài này, GV có thể cho HS đọc trước bài học trong SGK ; tổ chức chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm quan sát thị trường một mặt hàng trong một số phiên chợ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng và ghi chép các số liệu về sự lên xuống của giá cả hàng hoá ; yêu cầu các nhóm viết nhận xét để đối thoại khi giảng ở lớp ; giữ nguyên các nhóm đó khi tổ chức thảo luận các câu hỏi trong bài.

3. Về phương tiện dạy học

Tuỳ theo điều kiện cơ sở vật chất của trường, GV có thể chuẩn bị các thiết bị dạy học bằng cách kẻ bảng, đưa vào phim hoặc đưa vào đĩa mềm các bảng, biểu đồ và sơ đồ sau đây :

Bảng 1 : Cách xác định thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hoá

Cách tính : Theo phương pháp bình quân gia quyền

$$\text{Công thức lí thuyết : } K = \frac{(X_a \times Y_a) + (X_b \times Y_b) + (X_c \times Y_c)}{\sum X}$$

Trong đó : K là thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hoá

X là số lượng hàng hoá của từng người hay nhóm người sản xuất

Y là thời gian lao động cá biệt của 1 hàng hoá của từng người, hay nhóm người sản xuất

a, b, c,... là tên nhóm người sản xuất

$\sum X$ là tổng lượng hàng hoá sản xuất ra

Ví dụ : Giả sử thị trường có nhu cầu 100 triệu mét vải và do 3 nhóm người sản xuất với số lượng không đều nhau và có thời gian lao động cá biệt sản xuất 1 mét vải khác nhau. Hãy tính thời gian lao động xã hội cần thiết (TGLĐXHCT) của 1 mét vải làm cơ sở xác định giá cả 1 mét vải bán ra trên thị trường.

Nhóm sản xuất	Số lượng hàng hoá (triệu m)	Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1 m vải (giờ)
A	10	1
B	5	2
C	85	3

Từ công thức trên, có thể vận dụng để tính thời gian lao động xã hội cần thiết của ví dụ trên như sau :

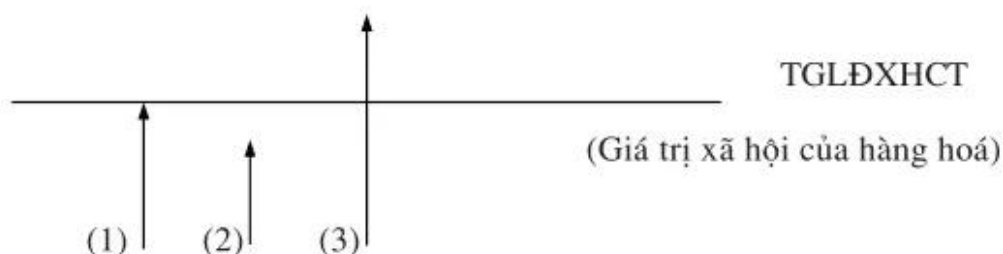
$$\text{TGLĐXHCT (của 1 m vải)} = \frac{(10 \times 1) + (5 \times 2) + (85 \times 3)}{100} = 2,75 \text{ giờ}$$

Qua cách tính trên cho thấy : Con số 2,75 giờ là TGLĐXHCT của 1 mét vải có xu hướng gần sát với nhóm người sản xuất C, vì nhóm này sản xuất và cung ứng 85% hàng hoá vải cho nhu cầu thị trường, nên đại diện cho điều kiện trung bình của xã hội. Nhưng nếu 85 triệu mét vải thuộc về nhóm A thì TGLĐXHCT của 1 mét vải gần sát với 1 giờ của nhóm A, vì nhóm này sản xuất và cung cấp cho thị trường 85% nhu cầu vải và đại diện cho điều kiện sản xuất trung bình.

Chú ý : Bảng 1 không giảng trong bài này, mà chủ yếu để GV hiểu sâu hơn Bài 2 và để biết cách tính TGLĐXHCT khi giải thích nội dung khái quát của quy luật giá trị, nếu HS có thắc mắc.

Sơ đồ 1 : Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất

a) Đối với 1 hàng hoá



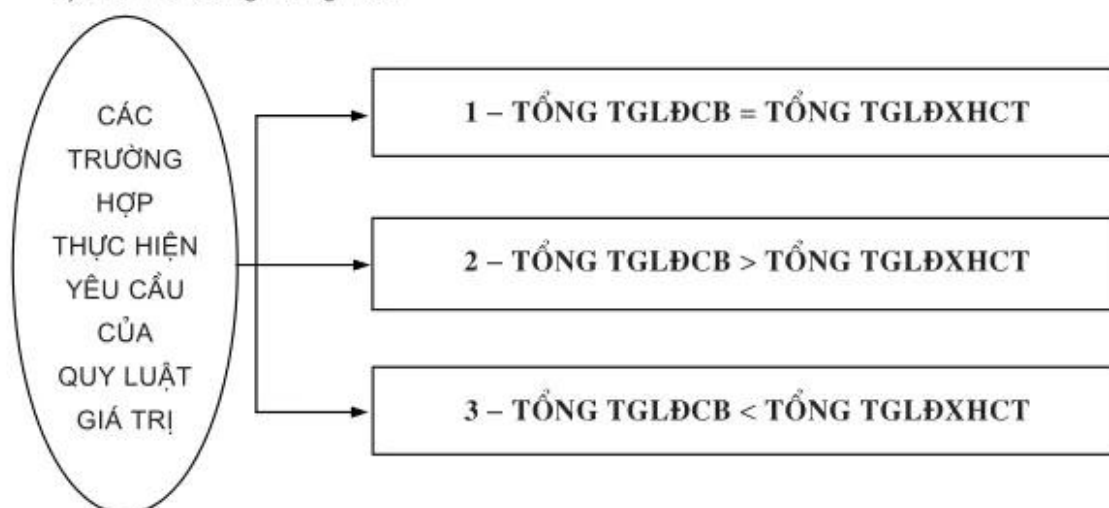
Nhận xét :

– Người thứ nhất, có thời gian lao động cá biệt = thời gian lao động xã hội cần thiết, thực hiện đúng yêu cầu của quy luật giá trị, nên họ thu được lợi nhuận trung bình.

– Người thứ hai, có thời gian lao động cá biệt < thời gian lao động xã hội cần thiết, thực hiện tốt yêu cầu của quy luật giá trị, nên thu được lợi nhuận nhiều hơn mức lợi nhuận trung bình.

– Người thứ ba, có thời gian lao động cá biệt > thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm yêu cầu của quy luật giá trị, nên bị thua lỗ.

b) Đối với tổng hàng hoá



Nhận xét :

Trường hợp 1 phù hợp với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng góp phần cân đối và ổn định thị trường. Còn hai trường hợp sau vi phạm quy luật giá trị nên dẫn đến hiện tượng thừa hoặc thiếu hàng hoá trên thị trường. Cụ thể là, trường hợp 2 thừa và trường hợp 3 thiếu hàng hoá.

Sơ đồ 2 : Biểu hiện của nội dung quy luật giá trị trong lưu thông

a) Đối với 1 hàng hoá



Kết luận :

– Giá cả của 1 hàng hoá có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó, nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hoá.

– Sự vận động của giá cả xoay quanh trục giá trị hàng hoá chính là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

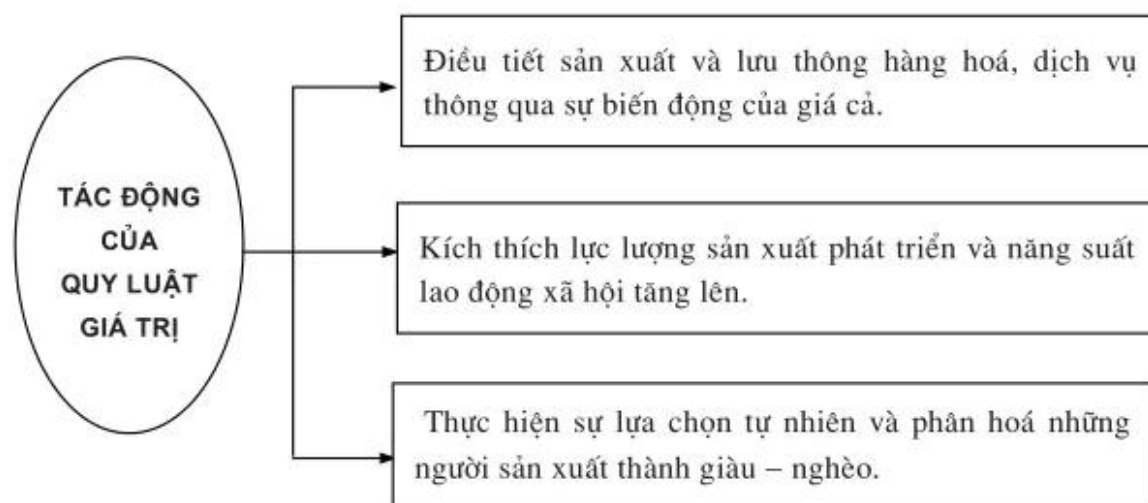
b) Đối với tổng hàng hoá và trên toàn xã hội

Quy luật này yêu cầu :

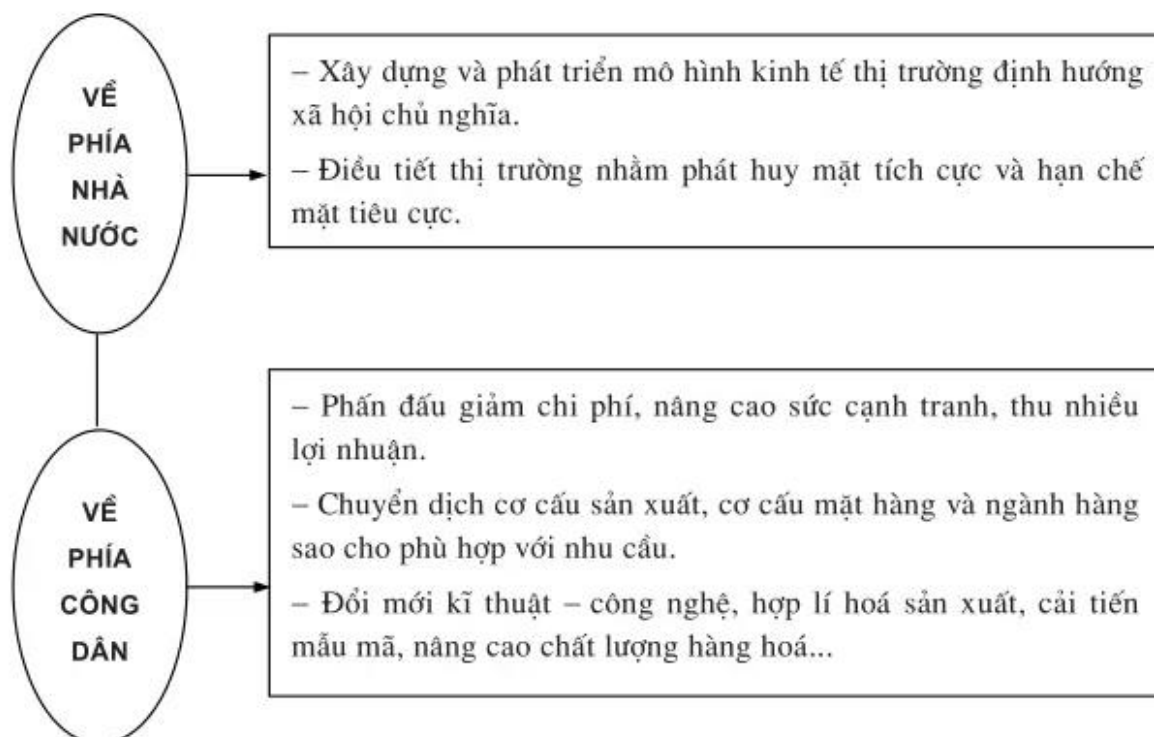
Tổng giá cả hàng hoá sau khi bán bằng tổng giá trị hàng hoá trong sản xuất.

Kết luận : Yêu cầu này là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế hàng hoá vận động và phát triển bình thường (hay cân đối).

Bảng 1 : Những tác động của quy luật giá trị



Bảng 2 : Vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá



4. Về kiểm tra, đánh giá

a) *Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập*

Câu 1 trong SGK : Nội dung của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hoá ?

- Có thể gợi ý cho HS trình bày qua hai biểu hiện trong sản xuất và trong lưu thông hàng hoá :

- Trong sản xuất :

- + Đối với từng hàng hoá
- + Đối với tổng số hàng hoá

- Trong lưu thông :

- + Đối với từng hàng hoá
- + Đối với tổng hàng hoá

Câu 2 : Dựa vào nội dung (yêu cầu) của quy luật giá trị ở câu 1 và ví dụ phần 1 của nội dung bài học trong SGK để đưa ra 3 nhận xét của 3 người sản xuất A, B, C.

Với các câu 3, 4, 5, 6 có thể gợi ý cho HS theo trình tự : Dựa vào tác động của quy luật giá trị để thấy tương ứng với câu 3 là tác động 1 ; tương ứng với câu 4 và 5 là tác động 2 (trong đó định hướng trả lời câu 5 là mối quan hệ giữa lượng giá trị của 1 hàng hoá với năng suất lao động chúng vận động theo quan hệ tỉ lệ nghịch với nhau) ; tương ứng với câu 6 là tác động 3 của quy luật giá trị.

Với các câu 7, 8, 9, 10 : Tương ứng với tác động 1 để HS đưa ra nội dung vận dụng thích hợp cho các câu 7 và 8. Tương ứng với tác động 2 để HS trả lời câu 9 với tư cách là công dân. Để trả lời câu 10, HS đóng vai trò là Nhà nước để đưa ra ý kiến vận dụng nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của quy luật giá trị.

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần căn cứ vào mục tiêu bài học, lựa chọn các câu hỏi và bài tập trong SGK cho phù hợp (Có thể kiểm tra miệng hoặc cho HS làm bài luận).

Ví dụ :

- Về mục tiêu kiến thức : có thể chọn câu 1, 3, 4, 6.
- Về mục tiêu kĩ năng : có thể chọn câu 7, 8, 9.
- Về mục tiêu thái độ : GV có thể đặt thêm câu hỏi : "Tại sao phải tôn trọng quy luật giá trị ? Sự tôn trọng đó được biểu hiện như thế nào" ?.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

Để bài học được giảng một cách sinh động, có sức thu hút HS, GV có thể đặt ra câu hỏi : Tại sao trong sản xuất có lúc người sản xuất lại thu hẹp sản xuất, có lúc lại mở rộng sản xuất, hoặc khi đang sản xuất mặt hàng này lại chuyển sang mặt hàng khác ? Tại sao trên thị trường, hàng hoá khi thì nhiều khi thì ít ; khi giá cao, khi giá thấp. Những hiện tượng nói trên là ngẫu nhiên hay do quy luật nào chi phối ?

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài học này được thực hiện qua 2 tiết. Tiết 1 gắn với đơn vị kiến thức 1, Tiết 2 gắn với đơn vị kiến thức 2, đơn vị kiến thức 3 và có thể được phân bố như sau :

a) *Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Nội dung của quy luật giá trị.*

** Mức độ kiến thức :*

Trong mục này, GV cần làm cho HS nêu được nội dung và phân tích được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

** Cách thức thực hiện :*

– Nội dung của quy luật giá trị.

– Để HS hiểu nội dung khái quát của quy luật giá trị, GV cần nhắc lại kiến thức về sự hình thành lượng giá trị hàng hoá ở Bài 2 : Trên thị trường, lượng giá trị xã hội của hàng hoá không do thời gian lao động cá biệt quyết định mà do thời gian lao động xã hội cần thiết quyết định. Do vậy, sản xuất và trao đổi phải dựa trên cơ sở TGLĐXHCT để sản xuất ra hàng hoá đó.

– Phân tích biểu hiện của quy luật giá trị : Từ nội dung nói trên của quy luật giá trị, GV phân tích biểu hiện của nội dung này trong hai lĩnh vực sản xuất và lưu thông.

+ Trong lĩnh vực sản xuất :

Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hoá phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

Có thể sử dụng sơ đồ 1 ở phần Phương tiện dạy học để minh hoạ.

+ Trong lĩnh vực lưu thông :

Quy luật giá trị yêu cầu việc trao đổi giữa hai hàng hoá A và B cũng phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết. Nói cách khác, trao đổi hàng hoá phải *theo nguyên tắc ngang giá*. Tất nhiên, nếu xem xét không phải 1 hàng hoá mà *tổng hàng hoá và trên phạm vi toàn xã hội*, quy luật giá trị yêu cầu tổng giá cả hàng hoá sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hoá trong quá trình sản xuất.

GV có thể minh hoạ sự phân tích trong lĩnh vực lưu thông qua sơ đồ 2 ở phần phương tiện dạy học.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Tác động của quy luật giá trị.*

** Mức độ kiến thức :*

Với đơn vị kiến thức này, cần làm cho học sinh nêu và phân tích được những tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

** Cách thức thực hiện :*

GV có thể nêu câu hỏi :

Quy luật giá trị có những tác động gì ? Những tác động đó có phải hoàn toàn tích cực hay vừa có hai mặt : tích cực và tiêu cực ?

Từ đó, thông qua phân tích ba tác động của quy luật giá trị, GV giúp HS hiểu và trả lời được câu hỏi trên. Nội dung phân tích ba tác động của quy luật giá trị, đó là :

– Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường.

– Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.

– Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hoá.

GV có thể minh hoạ ba tác động của quy luật giá trị bằng Bảng 1 trong phần Phương tiện dạy học.

Trong khi phân tích từng tác động của quy luật giá trị, GV cần *lưu ý* phân tích cả hai mặt tích cực và tiêu cực, không nên lí tưởng hoá một chiều mặt tích cực. Mặc dù vậy, GV cũng cần định hướng cho HS nhận thức được trong hai mặt đó, mặt tích cực là cơ bản và mang tính trội. Định hướng này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao lòng tin của HS vào chủ trương tiếp tục đổi mới theo mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Vận dụng quy luật giá trị.*

** Mức độ kiến thức :*

Đây là một đơn vị kiến thức có tầm quan trọng đối với thực tiễn xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. GV cần làm cho HS nhận thức được nội dung biết vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

** Cách thức thực hiện :*

Để giúp HS tìm hiểu nội dung của đơn vị kiến thức này, GV có thể đặt câu hỏi :

Nội dung và tác động của quy luật giá trị được Nhà nước và công dân vận dụng như thế nào ở nước ta hiện nay ?

Từ đó, hướng phân tích sự vận dụng nội dung và tác động của quy luật giá trị vào hai đối tượng : Nhà nước và công dân trong lĩnh vực kinh tế. Ví dụ :

– Về phía Nhà nước :

+ Đổi mới nền kinh tế nước ta thông qua xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Ban hành và sử dụng pháp luật, các chính sách kinh tế để thúc đẩy phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá, ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân ở nước ta.

+ Thực thi chính sách xã hội và sử dụng thực lực kinh tế của Nhà nước, để điều tiết thị trường nhằm hạn chế sự phân hoá giàu – nghèo cùng những tiêu cực xã hội khác hiện nay.

– Về phía công dân (doanh nghiệp và kinh tế gia đình) :

+ Điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng trên thị trường trong nước và quốc tế.

+ Nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá bằng cách thường xuyên đổi mới kĩ thuật – công nghệ, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, cải tiến quản lí, phấn đấu giảm chi phí trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, đứng vững và chiến thắng trên thương trường nhằm thu nhiều lợi nhuận.

Có thể kết luận đơn vị kiến thức này bằng Bảng 2 trong phần Phương tiện dạy học.

3. Phần củng cố

Tùy theo điều kiện của từng trường, nhưng có thể nêu một vài gợi ý chung như sau :

- Dùng các bảng, biểu, sơ đồ để củng cố kiến thức.
- Đưa ra một số câu hỏi để củng cố kiến thức.

Ví dụ :

Câu 1 : Có bốn ý kiến cho rằng, sản xuất và trao đổi phải dựa trên cơ sở :

- + Thời gian lao động cá biệt.
- + Thời gian lao động xã hội cần thiết.
- + Thời gian lao động của người sản xuất có điều kiện xấu nhất.
- + Thời gian lao động của người sản xuất có điều kiện tốt nhất.

Em hãy cho biết ý kiến nào đúng. Tại sao ?

- Câu 2 :** Em hãy nêu *khái quát* nội dung của quy luật giá trị biểu hiện trong lĩnh vực sản xuất và trong lĩnh vực lưu thông.
- Câu 3 :** Nêu khái quát ba tác động của quy luật giá trị. Ý nghĩa của việc nhấn mạnh tác động tích cực của quy luật giá trị.
- Câu 4 :** Theo em, sự vận dụng quy luật giá trị có liên quan gì đến việc hình thành và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ? (Câu hỏi này dành cho HS khá, giỏi).

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo : Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, Chương III : Lượng giá trị hàng hoá (từ tr. 64 – 66) và Quy luật giá trị (tr. 75 – 76).

2. Phan Thanh Phớt : *Kinh tế và đổi mới kinh tế ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000 – Chuyên đề V (tr. 135 – 165).

3. Theo *Đại từ điển kinh tế thị trường* (Viện Nghiên cứu và Phổ biến tri thức bách khoa) Hà Nội, 1998 :

– Mối quan hệ và *đối xứng* giữa thời gian lao động cá biệt với thời gian lao động xã hội cần thiết ; giữa giá trị cá biệt với giá trị xã hội của hàng hoá.

– "Thời gian lao động xã hội cần thiết đối xứng với thời gian lao động cá biệt là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó trong điều kiện sản xuất xã hội bình thường, với trình độ thành thạo và cường độ lao động xã hội trung bình. Điều kiện sản xuất bình thường của xã hội là điều kiện sản xuất mà tuyệt đại đa số người sản xuất hàng hoá trong cùng một ngành đã sử dụng, trong đó, điều chủ yếu nhất là dùng thiết bị sản xuất hoặc công cụ lao động như thế nào" (*Sách đã dẫn*, tr. 273).

– "Thời gian lao động cá biệt đối xứng với thời gian lao động xã hội cần thiết, là thời gian lao động mà người lao động cá biệt hao phí để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó" (*Sách đã dẫn*, tr. 273).

– Tương tự, "Giá trị xã hội đối xứng với giá trị cá biệt, là giá trị hàng hoá do thời gian lao động xã hội cần thiết quyết định". Và "Giá trị cá biệt đối xứng với giá trị xã hội, là giá trị do người lao động cá biệt sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó" (*Sách đã dẫn*, tr. 274).

– Trong nền kinh tế thị trường, "Thời gian lao động cá biệt mâu thuẫn với thời gian lao động xã hội cần thiết. Một mặt, kích thích người sản xuất hàng hoá cải tiến kĩ thuật để rút ngắn thời gian lao động cá biệt và có thu nhập ngoại ngạch, từ đó thúc đẩy sự phát triển của sức sản xuất xã hội ; mặt khác, lại dẫn đến sự phân hoá người sản xuất nhỏ theo hai cực" (*Sách đã dẫn*, tr. 273).